

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững

2. Ông Nguyễn Phước Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST–HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1981, cư trú tại: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị Ngọc T, sinh năm 1982, cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày: Anh và bị đơn là chị Đỗ Thị Ngọc T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ngày 01 tháng 6 năm 2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T hay về bên nhà cha mẹ của chị T sống, anh nói về mà không chịu. Lúc vợ chồng chưa cất nhà riêng thì chị T nói ở với cha mẹ chồng không được, sau này cất nhà rồi mà chị T cũng không chịu về. Anh và chị T ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Anh xét thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm lo lắng cho nhau, anh không còn tình cảm với chị T nên anh yêu cầu ly hôn. Về con chung: anh và chị T có 01 người con chung là Trần Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/10/2009, đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng con, anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh đi ghe câu cá, thu nhập bình quân từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Văn M về thời gian chung sống, kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm

2012 vợ chồng chị cất nhà, nhưng do anh M hay đi làm vắng nhà, con còn nhỏ, bên cạnh đó mẹ chồng không yêu thương chị nên khi anh M vắng nhà chị và con về nhà cha mẹ chị ở. Vợ chồng chị ly thân từ đầu năm 2017, anh M không còn quan tâm, lo lắng cho chị và con cũng như không giàn xếp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh M, chị muốn con có cả cha mẹ nên chị không đồng ý ly hôn với anh M. Về con chung: chị và anh M có 01 con chung là Trần Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/10/2009, đang sống với chị. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Anh M đi ghe câu cá, thu nhập trung bình của anh M khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn M đối với bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc T: Anh Trần Văn M và chị Đỗ Thị Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2009 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh M cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị T nên anh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T. Còn chị T cho rằng chị còn tình cảm với anh M, chị muốn con có cả cha và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cả anh M và chị T đều thừa nhận anh M không còn tình cảm với chị T, không quan tâm lo lắng cho chị T. Trong thời gian sống xa nhau, giữa anh M và chị T không có thiện chí trao đổi qua lại để tìm ra phương án có hiệu quả giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Đồng thời, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, anh M kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T. Từ đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh M đối với chị T.

[3] Về con chung: Anh M và chị T có 01 người con chung là Trần Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/10/2009, đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu An có nguyện vọng muốn được sống với chị T và anh M cũng đồng ý để chị T nuôi con. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn anh M chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu*

nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Anh M làm nghề đi ghe câu cá, thu nhập hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như mức thu nhập của anh M, xét thấy anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp nên chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/8/2017 đến khi con chung Trần Đỗ Khánh A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Văn M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn M đối với bị đơn chị Đỗ Thị Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Đỗ Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là Trần Đỗ Khánh A, sinh ngày 14/10/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/8/2017 đến khi con chung Trần Đỗ Khánh A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Anh Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008756 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, anh M còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thị Minh Hiệp